

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Khải

Bà Nguyễn Thị Uyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Phan Tuấn Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 02/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, ông T hay tụ tập bạn bè, ăn nhậu, không lo làm ăn, đi sớm về khuya. Bà L nói chuyện, khuyên nhủ, ông T không lắng nghe, không thay đổi.

Từ năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, ông T say sưa thường xuyên, không chăm lo gia đình, nhiều lần đánh bà trong đó có mấy lần phải đi bệnh viện. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã sống ly thân,

bà xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung gồm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/02/2013 và Nguyễn Văn Đức M, sinh ngày 13/02/2017. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo V và yêu cầu giao cháu Nguyễn Văn Đức M cho ông T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện đang chung sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng ông T đi làm vắng nhà. Bà Hồ Thị L1 - mẹ ruột của ông T cho biết ông T đi làm thuê, sáng đi tối về nên bà L1 nhận thay các văn bản tố tụng đồng thời cam kết sẽ giao lại ngay các văn bản này cho ông T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt lần 2 thứ hai không có lý do; bà Lê Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Theo lời trình bày của bà L, xác minh tại địa phương được biết giữa các bên có mâu thuẫn từ năm 2021 và năm 2024 đã sống ly thân. Điều này, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L; chấp nhận yêu cầu về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Bị đơn thường trú tại thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật

của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần 2 xong vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn:

Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn T được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B nay là huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2012, quyển số 01 ngày 02/8/2012, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do khó khăn, áp lực về kinh tế, ông T hay nhậu nhẹt, không có trách nhiệm gia đình, nhiều lần đánh đập bà. Ông T không trình bày quan điểm, ý kiến. Theo kết quả xác minh, thu thập thông tin được biết quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà L có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà L luôn cương quyết yêu cầu ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Trên cơ sở trình bày của đương sự, các thông tin thu thập xác minh cho thấy hôn nhân giữa ông T, bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, các bên không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên đời sống chung không thể tiếp tục duy trì. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị L.

[b] Về nuôi dưỡng con chung: Ông T, bà L có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/02/2013 và cháu Nguyễn Văn Đức M, sinh ngày 13/02/2017. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thảo V và giao cháu Nguyễn Văn Đức M cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của bà L: Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà L không thỏa thuận, thương lượng về việc nuôi dưỡng con chung. Xét cả hai đều có công việc, thu nhập và không thuộc trường hợp hạn chế quyền nuôi dưỡng con chung vì vậy cả hai đều đủ điều kiện nuôi con. Cháu Nguyễn Thảo V là con gái, đang độ tuổi dậy thì cần sự chăm sóc, chỉ dạy, tâm lý từ mẹ nên yêu cầu của bà L về việc giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tâm lý, độ tuổi của con trẻ. Cháu Nguyễn Văn Đức M là con trai, hiện đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, đang có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định nên giao cháu M cho ông T nuôi dưỡng cũng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 04/02/2013 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Văn Đức M, sinh ngày 13/02/2017 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011450 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng. Bà L đã hoàn thành nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã Bù Nho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

